TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠC SƠN** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/HNGĐ-ST
Ngày 02 tháng 11 năm 2023
V/v: "ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Quyết, Ông Bùi Văn Tấn

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: *Ông Nguyễn Đức Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn tham gia phiên tòa ông: *Đinh Thế Tâm - Kiểm sát viên.*

Ngày 02 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 123/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/ QĐXX - HNGĐ, ngày 28 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Bùi Thị N, sinh năm 1979. Trú tại: xóm Ch Tr, xã Q Th, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- Bị đơn: anh Bùi Văn L, sinh năm 1977. Trú tại: xóm Ch Tr, xã Q Th, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn L kết hôn năm 1997 trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Q Th, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L có hành vi bạo lực gia đình, đánh đuổi chị ra khỏi nhà nhưng vì con cái chị đã cố gắng chịu đựng trong nhiều năm; chị cũng đã nhiều lần tâm sự, khuyên bảo nhưng anh L không thay đổi nên chị và anh L đã sống ly thân,

nay tỉnh cảm vợ chồng giữa chị và anh L không còn nên chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 03 con chung là Bùi Văn D, sinh 26/02/2000, Bùi Thị Th, sinh ngày 01/8/2003 và Bùi Thị Thu H, sinh ngày 08/5/2010. Hiện nay hai con là Bùi Văn D và Bùi Thị Th đã đủ 18 tuổi có công việc, thu nhập nuôi sống bản thân nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối con Bùi Thị Thu H hiện nay chưa đủ 18 tuổi hiện nay đang ở với chị, chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con và chưa yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung: chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: không có.

Đối với anh Bùi Văn L:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã phối hợp với UBND xã Q Th tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh L không nhận văn bản tố tụng, không đến Tòa án để tham gia tố tụng, không trình bày ý kiến, quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án cháu Bùi Thị Thu H trình bày bố mẹ cháu đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, nguyện vọng được ở với mẹ là chị N.

Kết quả xác minh tại UBND xã Q Th thể hiện trong quá trình chung sống giữa vợ chồng chị N và anh L có nhiều mâu thuẫn, và đã xảy ra bạo lực gia đình dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân. UBND xã Q Th đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị N.

Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Bùi Thị N được ly hôn anh Bùi Văn L.

Về con chung: Chị và anh L có 03 con chung, đối với các con Bùi Văn D và Bùi Thị Th đã đủ 18 tuổi có công việc, thu nhập nuôi sống bản thân nên không đề nghị xem xét. Đối con Bùi Thị Thu H hiện nay chưa đủ 18 tuổi hiện nay đang ở với chị N, đề nghị Tòa án giải quyết giao chị N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị N chưa yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị nên không nghị xem xét.

Về tài sản chung, công sức đóng góp chị N chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

Về công nợ chung: không có, nên không đề nghị xem xét.

Về án phí chị Bùi Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: chị Bùi Thị N khởi kiện về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với bị đơn anh Bùi Văn L, cư trú tại: xóm Ch Tr, xã Q Th, huyên Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Về sự vắng mặt của anh Bùi Văn L, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng anh L vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Bùi Văn L.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị N và anh Bùi Văn L là hợp pháp vì kết hôn tự nguyện có đăng ký tại UBND xã Q Th, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận, bảo vệ.

2.2. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị N đối với anh Bù Văn L, Hội đồng xét xử thấy rằng: mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ nhau cùng nhau xây dựng gia đình, nuôi dạy con cái trưởng thành. Nhưng trong thời gian chung sống vợ chồng chị N và anh L lại thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng phải sống ly thân.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh L đã trầm trọng, tỉnh cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh L là phù hợp với quy định của pháp luật.

2.3. Về con chung: quá trình hôn nhân giữa chị N và anh L có 03 con chung là Bùi Văn D, sinh 26/02/2000, Bùi Thị Th, sinh ngày 01/8/2003 và Bùi Thị Thu H, sinh ngày 08/5/2010. Hiện nay hai con là Bùi Văn D và Bùi Thị Th đã đủ 18 tuổi có công việc, thu nhập nuôi sống bản thân nên không đề cập giải quyết. Đối con Bùi

Thị Thu H hiện nay chưa đủ 18 tuổi, chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trược tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Xét yêu cầu của chị N là phụ hợp với nguyện vọng của cháu H. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu và giao chị Bùi Thị N trược tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Thu H. Chị N chưa đề nghị anh L cấp dưỡng nuôi con cùng chị nên không xem xét giải quyết. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

2.4. Về tài sản chung, công sức đóng góp: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về công nợ chung: không có.

[3] Về án phí: chị Bùi Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016. Anh Bùi Văn L không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị N; xử cho chị Bùi Thị N được ly hôn anh Bùi Văn L.

2. Về con chung: chị N và anh L có 03 con chung là Bùi Văn D, sinh 26/02/2000, Bùi Thị Th, sinh ngày 01/8/2003 và Bùi Thị Thu H, sinh ngày 08/5/2010.

Đối với Bùi Văn D, Bùi Thị Th đều đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) có công việc, thu nhập nuôi sống bản thân nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Bùi Thị Thu H, hiện chưa đủ 18 tuổi, giao cho chị N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị N chưa yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con cùng chị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Bùi Văn L được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị N phải nộp 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào 300.000^{đ}

(Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị Bùi Thị N đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn theo biên lai số 0004565, ngày 26 tháng 7 năm 2023.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án đối với người có mặt, kể từ ngày nhận được bản hoặc bản án được niêm yết đối với người vắng mặt.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- Các đương sự;
- UBND xã Quyết Thắng;
- Chi cục THADS huyện Lạc Sơn;
- Lưu Hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Vũ Văn Trung